

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2021 và Thông báo về việc mở phiên tòa sơ thẩm, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 - Sinh năm 1982 - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Th2 - Sinh năm 1979 - (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Liên gia 4, tổ dân phố 8, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 trình bày:*

Tôi (Th1) và ông Lê Văn Th2 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2002. Trong quá trình chung sống với nhau, chúng tôi hạnh phúc đến năm 2012 thì thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th2 không lo làm ăn lo cho con cái, thường xuyên bỏ nhà đi. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông Th2 không còn nữa, mâu thuẫn đã kéo dài, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nay nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với ông Lê Văn Th2.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là Lê Đức Tr, sinh ngày 04/5/2002; Lê Thị Thảo Nh, sinh ngày 21/11/2004; Lê Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/7/2009 và Lê Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 30/4/2011. Hiện cháu Lê Đức Tr đã đủ tuổi thành niên nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết, tôi là người đang nuôi các con nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Bị đơn - Ông Lê Văn Th2* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh Th1 là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Văn Th2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 và ông Lê Văn Th2 chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày

10/01/2002. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh Th1 và ông Th2 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Th2 thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn. Đến nay bà Th1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Th2 nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Th2.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa bà Th1 và ông Th2 có xảy ra mâu thuẫn, đã kéo dài nhiều năm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bà Th1 và ông Th2 không yêu cầu hòa giải tại cơ sở vì vậy nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu thì địa phương không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh Th1 và ông Lê Văn Th2 đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th1, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng bà Th1, ông Th2 có 04 con chung là:

- Lê Đức Tr, sinh ngày 04/5/2002;
- Lê Thị Thảo Nh, sinh ngày 21/11/2004;
- Lê Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/7/2009
- Lê Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 30/4/2011.

Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Th1 là được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Lê Thị Thảo Nh, Lê Trần Nguyễn Đức H và Lê Nguyễn Hoàng Bảo T đến tuổi thành niên, còn cháu Lê Đức Tr, sinh ngày 04/5/2002 đã thành niên nên việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay các cháu đang sống cùng với bà Th1 và bà Th1 có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu nên giao cả 03 con chung - cháu Nh, cháu H, cháu T cho bà Nguyễn Thị Thanh Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Lê Đức Tr, sinh năm 2002, hiện nay cháu đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 về ly hôn, nuôi con chung;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 được ly hôn ông Lê Văn Th2.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Lê Thị Thảo Nh, sinh ngày 21/11/2004; Lê Trần Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/7/2009 và Lê Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh ngày 30/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh Th1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Văn Th2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013935 ngày 03 tháng 3 năm 2021.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức